

-(으)ㄴ 즉

bởi vì...; khi... thì thấy rằng

Một từ nối cổ với hai chức năng: nêu lý do, và thuật lại điều được phát hiện ra. Bạn sẽ gặp nó trong văn xuôi cũ và tục ngữ.

Cách kết hợp

Loại gốc từ	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng nguyên âm	-ㄴ 즉	그러하다 → 그러한즉
Kết thúc bằng phụ âm	-은즉	깊다 → 깊은즉
Kết thúc bằng ㄹ	ㄹ 즉	만들다 → 만든즉
Động từ, phát hiện	-(으)ㄴ 즉 / -는즉	열어 본즉
Biến thể nhấn mạnh	-은즉슨	깊은즉슨
Tương đương hiện đại	-(으)므로, -아/어 보니	그러므로, 열어 보니

Khi nào dùng

Gốc nguyên âm dùng -ㄴ 즉, gốc phụ âm dùng -은즉, và gốc ㄹ bị lược ㄹ: 만든즉. Động từ cũng có thể dùng -는즉. Được viết liền, và 은즉슨 là biến thể nhấn mạnh.

Ở cách dùng chỉ lý do, nó nghĩa là “bởi vì như vậy”: 사정이 그러한즉 이해해 주시기 바랍니다.

Ở cách dùng chỉ sự phát hiện, nó thuật lại điều tìm thấy khi làm gì đó: 문을 열어 본즉 아무도 없었다. Ở đây nó hoạt động như một dạng cổ của -았/었더니.

Mức độ văn phong rất cổ — kinh sách, văn xuôi cổ điển, tuyên cáo trang trọng. Văn viết hiện đại dùng므로 hoặc 보니 thay thế.

Ví dụ trong câu

- 1

사정이 그러한즉 널리 이해해 주시기 바랍니다.

Sự tình đã như vậy, mong ngài lượng thứ.
- 2

문을 열어 본즉 안에는 아무도 없었다.

Khi mở cửa ra thì thấy bên trong không có ai.
- 3

뜻이 깊은즉 함부로 논할 일이 아니다.

Ý nghĩa sâu xa, nên không thể bàn luận một cách tùy tiện.
- 4

까닭을 물은즉 대답이 없었다.

Khi hỏi lý do thì không có câu trả lời.
- 5

손수 만든즉 값을 매기기 어렵다.

Vì được làm bằng tay nên khó mà định giá.
- 6

근본이 바른즉 흔들릴 까닭이 없다.

Gốc rễ đã vững chắc, nên không có lý do gì để lung lay.

So sánh với

-(으)므로
Tương đương hiện đại cho cách dùng chỉ lý do.므로 là tiếng Hàn trang trọng chuẩn; 은즉 là dạng cổ.
그러므로 이해해 주십시오. (trang trọng) / 그러한즉 이해하시라. (cổ)

-았/었더니
Với cách dùng chỉ sự phát hiện, 더니 là dạng hiện đại. Cả hai đều thuật lại điều bạn phát hiện khi làm gì đó.
열어 봤더니 아무도 없었다. (hiện đại) / 열어 본즉 아무도 없었다. (cổ)

-(으)ㄴ/는 고로
Cả hai đều là từ nối chỉ lý do mang tính cổ.고로 thuần túy chỉ nguyên nhân hơn; 은즉 nghiêng về ý “bởi sự tình là như vậy”.
사정이 그러한 고로 / 사정이 그러한즉

Lưu ý

- ✗

손수 만들은즉 값을 매기기 어렵다.

○ 손수 만든즉 값을 매기기 어렵다.

Gốc từ kết thúc bằng ㄹ bị lược ㄹ trước -(으)ㄴ, như trong 만든 음식 và 아는 사람.
- ✗

사정이 그러한 즉 이해해 주십시오.

○ 사정이 그러한즉 이해해 주십시오.

-(으)ㄴ 즉 là một đuôi duy nhất và được viết liền.
- ✗

야, 배고픈즉 밥 먹자.

○ 야, 배고프니까 밥 먹자.

-(으)ㄴ 즉 là dạng cổ. Trong hội thoại, nó nghe như đang đọc thuộc một văn bản cũ.